




# Phần I

## Nam Kỳ

(Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

<b>Nam Kỳ</b>		
Pháp thuộc		
	<b>1834 - 1945</b>	
		
Cờ		
<b>Thủ đô</b>	Sài Gòn	
<b>Ngôn ngữ</b>	Tiếng Pháp, Tiếng Việt	
<b>Tôn giáo</b>	Phật giáo, Kitô giáo	
<b>Chính thể</b>	Pháp thuộc	
<b>Lịch sử</b>		
- Thành lập	1834	
- Giải thể	1945	
<b>Diện tích</b>		
- 1936	77.700 km <sup>2</sup> ; (30.000 mi <sup>2</sup> )	
<b>Dân số</b>		
- 1936 ước tính	4.616.000	
Mật độ	59,4 /km <sup>2</sup> (153,9 /mi <sup>2</sup> )	
<b>Tiền tệ</b>	Đồng bạc Đông Dương	

**Nam Kỳ** là vùng đất cực nam của nước Đại Nam triều Nguyễn, là một trong ba kỳ hợp thành nước Việt Nam. Tên gọi này do vua Minh Mạng đặt ra năm 1834. Sau khi Việt Nam giành được độc lập năm 1945, Nam Kỳ được gọi là **Nam Bộ**. Việt Nam Cộng hòa dùng tên gọi **Nam phần**, vốn được sử dụng từ năm 1949 bởi chính phủ Bảo Đại.

## Tên gọi Cochinchine

Nguồn gốc tên gọi *Cochinchine* trong tiếng Pháp được các nhà nghiên cứu giải thích theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, giả thuyết phổ biến nhất là tên gọi *Cochin* hay *Cocin* gốc từ *Coci* là phiên âm của chữ *Giao Chỉ*. Do sợ nhầm với thành phố cảng Ấn Độ *Cochin*, nên người phương Tây thêm hậu tố *chine /china* (Trung Hoa), ý nói Cochinchine gần Trung Hoa để phân biệt.

Từ Cochinchine (hoặc các biến thể Cocinchina, Cauchinchina, Cochinchina) ban đầu dùng để gọi toàn bộ Việt Nam. Đến đầu thế kỷ 17, khi Trịnh-Nguyễn phân tranh, nước Việt Nam phân đôi thành Đàng Trong và Đàng Ngoài, thì Cochinchine được dùng để chỉ Đàng Trong, còn Tonkin chỉ Đàng Ngoài. Về sau Cochinchine mới được dùng để chỉ Nam Kỳ, khi đó Annam chỉ Trung Kỳ.

## Các đơn vị hành chính

### 1. Thời nhà Nguyễn

Nam Bộ xưa được mệnh danh là xứ Đàng Nai. Năm 1698, xứ Đàng Nai được thiết lập phủ huyện. Phủ Gia Định bao gồm toàn thể đất Nam Bộ và tồn tại suốt từ đó đến năm 1802 thì đổi thành trấn Gia Định.

Năm 1808, vua Gia Long nhà Nguyễn đổi trấn Gia Định thành Gia Định Thành, bao gồm 5 trấn: Phiên An (địa hạt Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Thanh (sau chia ra Vĩnh Long và An Giang), Vĩnh Tường (sau này là Định Tường) và Hà Tiên.

Vua Minh Mạng năm 1834 đã đặt ra Nam Kỳ và chia thành 6 tỉnh nên gọi là *Nam Kỳ Lục tỉnh* hay *Lục tỉnh*<sup>[1]</sup>. Đó là các tỉnh: Phiên An, năm 1836 đổi thành Gia Định (tỉnh lỵ là tỉnh thành Sài Gòn), Biên Hòa (tỉnh lỵ là tỉnh thành Biên Hòa), Định Tường (tỉnh lỵ là tỉnh thành Mỹ Tho) ở miền Đông; Vĩnh Long (tỉnh lỵ là tỉnh thành Vĩnh Long), An Giang (tỉnh lỵ là tỉnh thành Châu Đốc) và Hà Tiên (tỉnh lỵ là tỉnh thành Hà Tiên) ở miền Tây.

### 2. Thời Pháp thuộc

Sau khi chiếm xong ba tỉnh miền Đông gồm Gia Định, Định Tường, Biên Hòa (1862) và ba tỉnh miền Tây gồm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (1867), thực dân Pháp xóa bỏ cách phân chia địa giới hành chính cũ của triều Nguyễn.

Lúc đầu Pháp gọi *département* thay cho phủ, gọi *arrondissement* thay cho huyện. Khoảng năm 1868, Nam Kỳ có hơn hai mươi *arrondissement* (lúc này gọi là hạt, địa hạt, "hạt tham biện" hay "tiểu khu", do tham biện cai trị). Đứng đầu *arrondissement* là *administeur*, tiếng Việt gọi là chánh tham biện. Dinh hành chánh gọi là tòa tham biện nhưng dân cũng quen gọi là tòa bố (giống như dinh quan bố chánh của nhà Nguyễn cũ). Tham biện dưới quyền Thống đốc đóng ở Sài Gòn. Giúp việc chánh tham biện là hai phó tham biện; thư ký địa hạt cũng gọi là bang biện tức là *secrétaire d'arrondissement*. Đến năm 1871 giảm còn 18 hạt, năm 1876 thì tăng lên 19 hạt.

Năm 1876, Pháp chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn, gọi là *circonscription administrative*, mỗi khu vực lại được chia nhỏ thành các "hạt" (*arrondissement*) như sau:

- Khu vực Sài Gòn có 5 tiểu khu: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Gia Định
- Khu vực Mỹ Tho có 4 tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An và Chợ Lớn
- Khu vực Vĩnh Long có 4 tiểu khu: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc
- Khu vực Bát Xắc có 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng

Ngày 8 tháng 1 năm 1877, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh thành lập thành phố cấp 1 (*municipalité de première classe*) Sài Gòn, đứng đầu là một viên Đốc lý (*Maire*). Sắc lệnh này được ban hành ngày 16 tháng 5 năm đó.

Ngày 20 tháng 10 năm 1879, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định thành lập thành phố cấp 2 (*municipalité de deuxième classe*) Chợ Lớn, tương đương cấp tỉnh sau này. Đứng đầu thành phố cũng là một viên Đốc lý.

Năm 1882, Thống đốc Nam Kỳ lập thêm một hạt (tiểu khu) mới là hạt Bạc Liêu thuộc khu vực Bát Xắc từ đất của 2 tổng của hạt Sóc Trăng và 3 tổng của hạt Rạch Giá. Như vậy toàn bộ Nam Kỳ có 20 hạt. Năm 1895 lập thêm thành phố tự trị (commune autonome) Cap Saint Jacques, tách từ hạt Bà Rịa (Cap Saint Jacques nhập vào hạt Bà Rịa năm 1898 để rồi năm sau lại tách ra).

Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định đổi tên gọi "hạt" thành "tỉnh" (*province*) và chia Nam Kỳ thành 3 miền. Đồng thời, chức tham biện đổi thành *chủ tỉnh* (chef de province), tòa tham biện gọi là *tòa bố*. Như vậy Nam Kỳ có tất cả 20 tỉnh, phân bố như sau:

- Miền Đông có 4 tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Bà Rịa
- Miền Trung có 9 tỉnh: Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc
- Miền Tây có 7 tỉnh: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu

Ngoài ra còn có 3 thành phố Sài Gòn (cấp 1), Chợ Lớn (cấp 2), thành phố tự trị Cap Saint Jacques và Côn Đảo không thuộc tỉnh nào. Năm 1905, xóa bỏ thành phố Cap Saint Jacques, chuyển thành đại lý hành chính thuộc tỉnh Bà Rịa.

Vài chục năm sau mới chia tỉnh ra quận (délégation) dưới quyền chủ quận; quận chia ra tổng (canton), đứng đầu là cai tổng (chef de canton). Tổng chia thành xã.

Năm 1913 ba tỉnh bị sáp nhập: Gò Công vào Mỹ Tho, Sa Đéc vào Vĩnh Long, Hà Tiên vào Châu Đốc nên Nam Kỳ còn 17 tỉnh. Đến năm 1924 các tỉnh này lại được tách ra như cũ.

## Soái phủ

Trụ sở của Thống đốc đặt tại Sài Gòn (về sau gọi là Dinh Gia Long). Người miền Nam quen gọi là Soái phủ Nam Kỳ (Gouvernement des Amiraux), vì cho tới năm 1878 nó còn là dinh của một quan võ Pháp, hàm Lieutenant-Gouverneur, tức Phó soái. Kể từ năm 1879 mới thay quan võ bằng quan văn, và Thống đốc Nam Kỳ (dân sự) đầu tiên là Le Myre de Vilers. Mãi đến năm 1926, khi gọi Quyền Thống đốc Le Fol, người Nam Kỳ vẫn còn quen miệng kêu lẫn lộn là Thống soái, Phó soái, dù ông không phải là sĩ quan.

## Danh sách các thống đốc Nam Kỳ

- Thời kỳ Thống đốc quân sự (1858-1879)

Tên	Năm sinh - năm mất	Thời gian tại nhiệm	Chú thích
Phó đô đốc Charles Rigault de Genouilly	1807-1873	tháng 2, 1859 - tháng 10, 1859	Tư lệnh quân viễn chinh
Trung tá hải quân Jean Bernard Jauréguiberry	1815-1887	tháng 10, 1859 - tháng 3, 1860	tạm quyền thay de Genouilly
Chuẩn đô đốc Théogène François Page	1807-1867	tháng 3, 1860 - tháng 2, 1861	Tư lệnh quân viễn chinh, đóng tại Đà Nẵng.
Đại tá Hải quân Joseph Hyacinthe Louis Jules d'Ariès	1813-1878	tháng 4, 1860 - tháng 2, 1861	tạm quyền cho Page tại Gia Định
Phó đô đốc Léonard Victor Joseph Charner	1797-1869	tháng 2, 1861 - tháng 11, 1861	cho soạn thảo quy hoạch thành phố Sài Gòn đầu tiên
Chuẩn đô đốc Louis Adolphe Bonard	1805-1867	tháng 11, 1861 - tháng 10, 1863	thăng Phó đô đốc 25 tháng 6, 1862; được bổ nhiệm làm Thống đốc đầu tiên ngày 25 tháng 6, 1862
Chuẩn đô đốc Pierre Paul Marie de La Grandière	1807-1876	tháng 10, 1863 - tháng 12, 1864	
Chuẩn đô đốc Pierre Gustave Roze	1812-1882	tháng 12, 1864 - tháng 3, 1866	tạm quyền thay de La Grandière về Pháp nhận hàm Phó đô đốc

Phó đô đốc Pierre Paul Marie de La Grandière	1807-1876	tháng 3, 1866 – tháng 4, 1868	
Chuẩn đô đốc Marie Gustave Hector Ohier	1814-1870	tháng 4, 1868 – tháng 12, 1869	
Chuẩn tướng Thủy quân lục chiến Joseph Faron	1819-1881	tháng 12, 1869 – tháng 1, 1870	tạm quyền
Chuẩn đô đốc Alphonse Jean Claude René Théodore	1811-1886	tháng 1, 1870 – tháng 4, 1871	Bá tước de Cornulier-Lucinière
Chuẩn đô đốc Marie Jules Dupré	1813-1881	tháng 4, 1871 – tháng 3, 1874	
Chuẩn đô đốc Jules François Émile Krantz	1821-1914	tháng 3, 1874 – tháng 11, 1874	tạm quyền
Chuẩn đô đốc Victor Auguste	1825-1900	tháng 11, 1874 – tháng 10, 1877	Nam tước Duperré
Chuẩn đô đốc Louis Charles Georges Jules Lafont	1824-1908	tháng 10, 1877 – tháng 7, 1879	Thống đốc quân sự cuối cùng

- **Thống đốc dân sự (1879-1945)**

<b>Tên</b>	<b>Năm sinh - Năm mất</b>	<b>Thời gian tại nhiệm</b>	<b>Ghi chú</b>
Charles Le Myre de Villiers	1833-1918	tháng 7, 1879 - tháng 11, 1882	Thống đốc dân sự đầu tiên
Charles Anthoine François Thomson	1845-1898	tháng 11, 1882 - tháng 7, 1885	
Charles Auguste Frédéric Bégin	1835-1901	tháng 7, 1885 - tháng 6, 1886	
Ange Michel Filippini	1834-1887	tháng 6, 1886 - tháng 10, 1887	
Jacques-Noël Pardon	1854-1910	tháng 10, 1887 - 2 tháng 11, 1887	
Jules Georges Piquet	1839-1928	3 tháng 11, 1887 - 15 tháng 11, 1887	
Jean Antoine Ernest Constans	1833-1913	tháng 11, 1887 - tháng 4, 1888	bắt đầu sử dụng chức danh <b>Phụ tá Toàn quyền</b> hay <b>Phó soái</b> ( <i>Lieutenants gouverneurs</i> ) thay cho Thống đốc
Auguste Eugène Navelle	1846-?	tháng 4, 1888 - 1888	
<i>Chức vụ để trống</i>		1888 - 1889	

Augustin Julien Fourès	1853- 1915	1889	Lần thứ nhất
Henri Eloi Danel	1850  1898	1889 - 1892	Chiếm Bảo tàng Thương mại làm dinh Thống đốc
Augustin Julien Fourès	1853- 1915	1892 - 1895	Lần thứ 2
Alexandre Antoine Étienne Gustave Ducos	1851- 1907	1895 - 1897	
Ange Eugène Nicolai	1845-?	1897 - 1898	
Édouard Picanon	1854- 1939	1898 - 1901	
Henri Félix de Lamothe	1843- 1926	1901 - 1902	
François Pierre Rodier	1854- 1913	1902 - 1906	
Olivier Charles Arthur de Lalande de Calan	1853- 1910	1906 - 1907	
Louis Alphonse Bonhoure	1864- 1909	1907 - 1909	
Jules Maurice Gourbeil	?-?	1909 - 1916	Sử dụng lại chức danh Thống đốc từ năm 1911

Maurice Joseph La Gallen	1873-1956	1916 - 1921	từ tháng 6, 1918 - tháng 2, 1920, Georges René Gaston Maspéro (1872-1942) tạm quyền thay La Gallen về Pháp.
Maurice Cognacq	1870-1949	1921 - 1926	
Paul Marie Alexis Joseph Blanchard de la Brosse	?-?	1926 - 1929	
Auguste Eugène Ludovic Tholance	1878-1938	1929	tạm quyền
Jean-Félix Krautheimer	1874-1943	1929 - 1934	
Pierre André Michel Pagès	1893-1980	1934 - 1939	năm 1938, Henri Georges Rivoal (1886-1963) tạm quyền thay Pagès về Pháp.
René Veber	1888-1972	1939 - 1940	
André Georges Rivoal	?-?	1940 - 1942	
Ernest Thimothée Hoeffel	1900-1952	1942 - 1945	Thông đốc Nam Kỳ cuối cùng là người Pháp
Minoda Fujio	?-?	9 tháng 3, 1945 - 15 tháng 8, 1945	Thông đốc người Nhật

- Ủy viên cộng hòa Pháp tại Nam Việt Nam (1945-1954)

Tên	Năm sinh - năm mất	Thời gian tại nhiệm	Ghi chú
Jean Marie Arsène Cédile	1908-1984	22 tháng 8, 1945 - 1946	Đại tá, quyền Cao ủy Pháp tại Đông Dương 22 tháng 8, 1945 - 5 tháng 10, 1945
<i>Trống chức vụ</i>		1947 - 1948	
Albert Torel	1895-1987	1948	tạm quyền
Charles Marie Chanson	(1902-1951)	1947 - 30 tháng 7, 1951	Thiếu tướng, kiêm tư lệnh quân Pháp tại Nam Bộ, bị ám sát ngày 30 tháng 7, 1951
Raoul Albert Louis Salan	1899-1984	1 tháng 8, 1951 - 9 tháng 4, 1952	Đại tướng, phụ tá Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp tại Đông Dương, tạm kiêm nhiệm
Paul Louis Bondis	1895-1986	9 tháng 4, 1952 - 1953	Đại tướng
Georges Émile LeBlanc	1896-1989	1953 -	<i>chưa xác định chính xác</i>
Gabriel Louis Marie Bourgund	1898-1993	1953 - 1954	<i>chưa xác định chính xác</i>

## Lịch sử

Trước kia đây là lãnh thổ của nước Phù Nam và Chân Lạp. Vào thế kỷ 17, Nam Kỳ là vùng đất hoang sơ, được Chúa Nguyễn ở Đàng Trong khai phá. Một số quan lại, tướng tá nhà Minh sau khi chống nhà Thanh thất bại, trốn sang Việt Nam được Chúa Nguyễn cho khai phá vùng này. Một nhóm khoảng 5000 người Hoa do Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên cầm đầu vào khai khẩn vùng Mỹ Tho, Biên Hòa, một nhóm khác do Mạc Cửu cầm đầu tiến vào tận Hà Tiên khai khẩn.

Năm 1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định, mở đầu cuộc xâm lược đất Việt Nam.

Năm 1862, ngày 13 tháng 4, triều đình Huế cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường) nhượng cho Pháp.

Năm 1867, Pháp đơn phương tuyên bố toàn bộ 6 tỉnh Nam Kỳ là lãnh địa của Pháp. Từ đó, Nam Kỳ được hưởng quy chế thuộc địa, với chính quyền thực dân, đứng đầu là một Thống đốc người Pháp.

Hiệp ước Quý Mùi (25 tháng 8 năm 1883) nhập thêm tỉnh Bình Thuận vào Nam Kỳ (thuộc địa Pháp) coi như trừ số tiền bồi thường chiến phí còn lại mà triều đình Huế chưa trả hết, nhưng năm sau, Hiệp ước Giáp Thân (6 tháng 6 năm 1884) lại trả tỉnh Bình Thuận về cho Trung Kỳ.

Năm 1887, Nam Kỳ trở thành một vùng lãnh thổ nằm trong Liên bang Đông Dương. Năm 1933, quần đảo Trường Sa sát nhập vào Nam Kỳ thuộc Pháp. Tháng 3 năm 1945 Thống sứ Nhật Nashimura đổi Nam Kỳ thành Nam Bộ.

Mãi đến năm 1945, thời Đế quốc Việt Nam với chính phủ Trần Trọng Kim tuyên bố sáp nhập Nam Kỳ lại thành một bộ phận của nước Việt Nam độc lập. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ, hay Lâm ủy Nam Bộ, do chính quyền mới lập ra, đã tiếp quản vùng đất này.



Ngày 23 tháng 9 năm 1945, chưa đầy một tháng sau khi độc lập, Pháp đã nổ súng gây chiến ở Sài Gòn rồi mở rộng đánh chiếm Nam Bộ. Pháp đã lập ra một chính phủ "Nam Kỳ quốc" hòng tách khu vực này ra khỏi Việt Nam.

Không đánh bại được Việt Minh, Pháp phải dùng "giải pháp Bảo Đại", công nhận nền độc lập và sự thống nhất của Việt Nam.

Cuối cùng ngày 22 tháng 5 năm 1949, Quốc hội Pháp chính thức bỏ phiếu thông qua việc trả Nam Bộ cho Việt Nam. Nam Bộ trở thành lãnh thổ nằm trong Quốc gia Việt Nam.

*Bản đồ Nam Kỳ 1886*

## **Dân số**

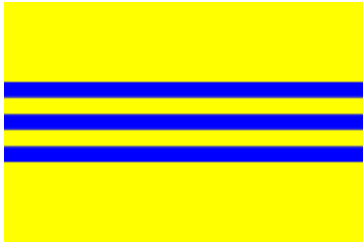
- Năm 1905: Số dân toàn Nam Kỳ (từ 15 tuổi trở lên) là 2.876.417 người.
- Năm 1909: 2.975.838 người.
- Năm 1920: khoảng 3.600.000 người.

## **Chú thích**

(1) Theo Nguyễn Quang Thắng, nhà Nguyễn đặt tên lục tỉnh dựa theo 6 từ cuối của một câu thơ cổ: *Khoái mã gia biên vĩnh định an hà* (nghĩa: Phóng ngựa ra roi giữ yên non nước) . Do đó, các tỉnh có tên: Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên. (*Trịnh Hoài Đức, một trong Gia Định tam gia*, Nam Bộ xưa và nay, NXB TP. HCM, 2005, tr.147)

# Phần II

## Nam Bộ Việt Nam



**Nam Bộ** là tên gọi khu vực phía nam nhất của Việt Nam, được dùng từ sau khi Việt Nam độc lập (1945) thay cho tên gọi **Nam Kỳ**. Nam Bộ là một trong ba xứ, hai xứ kia là Bắc Bộ và Trung Bộ. Dưới thời chính phủ Bảo Đại và Việt Nam Cộng hòa, Nam Bộ được gọi là **Nam phần**.

*Quốc kỳ Nam Bộ (1946-48)*

### Vị trí

Đông Nam Bộ giáp với các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng của Tây Nguyên và tỉnh Bình Thuận của Nam Trung Bộ.

### Các tiểu vùng và tỉnh

Nam Bộ bao gồm 17 tỉnh từ Bình Phước trở xuống phía Nam và hai thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ.

Khu vực này chia làm 2 vùng chính:

(1) Vùng Đông Nam Bộ có 5 tỉnh và 1 thành phố:

- 5 tỉnh: Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu
- Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Vùng đồng bằng sông Cửu Long, còn gọi là Tây Nam Bộ, có 12 tỉnh và 1 thành phố:

- 12 tỉnh: Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau
- Thành phố Cần Thơ

Riêng tài liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam (và một số ít tài liệu khác dựa theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê) lại xếp 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận vào miền Đông Nam Bộ. Sự sắp xếp này là thiếu thuyết phục cả về mặt địa lý cũng như lịch sử.

### Các tỉnh Nam Bộ qua các thời kỳ

#### (1) Thời nhà Nguyễn

Vua Minh Mạng năm 1832 đã chia vùng này thành 6 tỉnh (do đó có tên gọi *Nam Kỳ Lục tỉnh* hay *Lục tỉnh*). Đó là các tỉnh: Phiên An, năm 1836 đổi thành Gia Định (tỉnh lỵ là tỉnh thành Sài Gòn), Biên Hòa (tỉnh lỵ là tỉnh thành Biên Hòa), Định Tường (tỉnh lỵ là tỉnh thành Mỹ Tho) ở miền Đông; Vĩnh Long (tỉnh lỵ là tỉnh thành Vĩnh Long), An Giang (tỉnh lỵ là tỉnh thành Châu Đốc) và Hà Tiên (tỉnh lỵ là tỉnh thành Hà Tiên) ở miền Tây.

## **(2) Thời Pháp thuộc**

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ cách phân chia địa giới hành chính cũ của triều Nguyễn. Năm 1876, Pháp chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn, mỗi khu vực lại được chia nhỏ thành các "hạt" (còn gọi là địa hạt, "hạt tham biện" hay "tiểu khu", do tham biện cai trị):

- Khu vực Sài Gòn có 5 tiểu khu: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Gia Định
- Khu vực Mỹ Tho có 4 tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An và Chợ Lớn
- Khu vực Vĩnh Long có 4 tiểu khu: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc
- Khu vực Bát Xắc có 6 tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng

Sau khi đổi tên gọi "hạt" thành "tỉnh", từ 1/1/1900, Nam Kỳ có tất cả 20 tỉnh, phân bố như sau:

- Miền Đông có 4 tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Bà Rịa
- Miền Trung có 9 tỉnh: Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc
- Miền Tây có 7 tỉnh: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu

Ngoài ra còn có 3 thành phố Sài Gòn (cấp 1), Chợ Lớn (cấp 2), thành phố tự trị Cap Saint Jacques và Côn Đảo không thuộc tỉnh nào. Năm 1905, xóa bỏ thành phố Cap Saint Jacques, chuyển thành đại lý hành chính thuộc tỉnh Bà Rịa.

## **(3) 1945-1975**

Năm 1946 Nam Bộ bao gồm 21 tỉnh thành trong tổng số 72 tỉnh thành của cả nước. Đó là 20 tỉnh: Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Gò Công, Rạch Giá, Bạc Liêu và thành phố Sài Gòn.

Ngày 12/10/1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ (thuộc chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) chia Liên khu Nam Bộ thành 2 phân liên khu:

- Phân liên khu Miền Đông gồm 5 tỉnh: Gia Định Ninh (Gia Định + Tây Ninh), Thủ Biên (Thủ Dầu Một + Biên Hòa), Bà Rịa - Chợ Lớn, Mỹ Tho và Long Châu Sa.
- Phân liên khu Miền Tây gồm 6 tỉnh: Bến Tre, Vĩnh Trà (Vĩnh Long + Trà Vinh), Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Long Châu Hà.

Theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22 tháng 10 năm 1956 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa thì Nam phần (tức Nam Bộ) gồm 22 tỉnh và Đô thành Sài Gòn. Đó là các tỉnh Phước Long, Bình Long, Biên Hòa, Long Khánh, Bình Dương, Bình Tuy, Phước Tuy, Gia Định, Long An, Tây Ninh, Định Tường, Kiến Tường, Kiến Phong, Kiến Hòa, Trà Vinh (năm 1957 đổi tên là Vĩnh Bình), Vĩnh Long, An Giang, Phong Dinh, Kiên Giang, Ba Xuyên, An Xuyên và Côn Sơn. Sau này lập thêm các tỉnh Phước Thành (1959-1965), Chương Thiện (1961), Gò Công (1963), Hậu Nghĩa (1963), Châu Đốc (1964), Bạc Liêu (1964), Sa Đéc (1966), bỏ tỉnh Côn Sơn (1965). Như vậy năm 1962, Nam phần có 24 tỉnh và thời kỳ 1966-1975, có 27 tỉnh: Phước Long, Bình Long, Long Khánh, Biên Hòa, Bình Dương, Bình Tuy, Phước Tuy, Gia Định và Biệt khu Thủ đô (Sài

Gòn), Hậu Nghĩa, Long An, Tây Ninh, Gò Công, Định Tường, Kiến Tường, Kiến Phong, Sa Đéc, Kiến Hòa, Vĩnh Bình, Vĩnh Long, Châu Đốc, An Giang, Phong Dinh, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Xuyên. Tỉnh Bình Tuy sau này nhập vào tỉnh Thuận Hải, nay là địa bàn tỉnh Bình Thuận thuộc Trung Bộ.

#### **(4) Sau năm 1975**

Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976 Nam Bộ được chia thành 13 tỉnh thành trong tổng số 38 tỉnh thành của cả nước: Thành phố Hồ Chí Minh, Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Cửu Long, Minh Hải.

Năm 1979, thành lập Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo, tương đương cấp tỉnh. Do đó thời kỳ 1979-1991 Nam Bộ có 13 tỉnh thành và 1 Đặc khu trong tổng số 39 tỉnh thành và 1 Đặc khu của cả nước.

Từ năm 1991, với việc tỉnh Cửu Long tách ra thành 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh và Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo trở thành tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì Nam Bộ có 15 tỉnh thành trong tổng số 53 tỉnh thành của cả nước.

Từ năm 1997, với việc tỉnh Sông Bé tách ra thành 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước, tỉnh Hậu Giang tách ra thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng, tỉnh Minh Hải tách ra thành 2 tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau thì Nam Bộ có 18 tỉnh thành trong tổng số 61 tỉnh thành của cả nước.

Từ năm 2004, tỉnh Cần Thơ tách ra thành thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang nên Nam Bộ có 19 tỉnh thành trong tổng số 64 tỉnh thành của cả nước.

## **Lịch sử**

Trước kia đây là lãnh thổ của nước Phù Nam và Chân Lạp.

Thời chúa Nguyễn và nhà Tây Sơn, vùng đất này là xứ Gia Định (Gia Định thành), mới được khai khẩn từ thế kỷ 17. Năm 1698, xứ Gia Định được chia thành 3 dinh: Phiên Trấn, Trấn Biên và Long Hồ.

Vua Gia Long nhà Nguyễn gọi vùng này là Gia Định Thành, bao gồm 5 trấn: Phiên An (địa hạt Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Thanh (tức là Vĩnh Long và An Giang), Vĩnh Tường và Hà Tiên.

Năm 1834, vua Minh Mạng gọi là Nam Kỳ (xem *lịch sử Nam Kỳ*)

Năm 1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định, mở đầu cuộc xâm lược đất Việt Nam.

Năm 1862, ngày 13 tháng 4, triều đình Huế cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường) nhượng cho Pháp.

Năm 1867, Pháp đơn phương tuyên bố toàn bộ 6 tỉnh Nam Kỳ là lãnh địa của Pháp. Từ đó, Nam Kỳ được hưởng quy chế thuộc địa, với chính quyền thực dân, đứng đầu là một Thống đốc người Pháp.

Hiệp ước Quý Mùi (25 tháng 8 năm 1883) nhập thêm tỉnh Bình Thuận vào Nam Kỳ (thuộc địa Pháp) coi như trừ số tiền bồi thường chiến phí còn lại mà triều đình Huế chưa trả hết, nhưng năm sau, Hiệp ước Giáp Thân (6 tháng 6 năm 1884) lại trả tỉnh Bình Thuận về cho Trung Kỳ.

Năm 1887, Nam Kỳ trở thành một vùng lãnh thổ nằm trong Liên bang Đông Dương. Năm 1933, quần đảo Trường Sa sát nhập vào Nam Kỳ thuộc Pháp.

Tháng 3 năm 1945 Thống sứ Nhật Nashimura đổi Nam Kỳ thành Nam Bộ.

Mãi đến năm 1945, thời Đế quốc Việt Nam với chính phủ Trần Trọng Kim tuyên bố sáp nhập Nam Kỳ lại thành một bộ phận của nước Việt Nam độc lập. Sau khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, Ủy ban Hành chính Lâm thời Nam Bộ đã ra mắt ngày 25 tháng 8 năm 1945 do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch.

Thực dân Pháp nổ súng ở Sài Gòn ngày 23 tháng 9 năm 1945 rồi dần dần đánh rộng ra chiếm lại Nam Bộ. Chính phủ Nam Kỳ quốc được thành lập theo sự chỉ đạo của Pháp hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Năm 1946, trước khi sang Pháp tìm kiếm một giải pháp hòa bình, Hồ Chí Minh đã viết thư gửi đồng bào Nam Bộ, trong đó ông khẳng định: "Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!"

Không đánh bại được Việt Minh, Pháp phải dùng "giải pháp Bảo Đại", công nhận nền độc lập và sự thống nhất của Việt Nam. Cuối cùng ngày 22 tháng 5 năm 1949, Quốc hội Pháp chính thức bỏ phiếu thông qua việc trả Nam Bộ cho Việt Nam. Nam Bộ trở thành lãnh thổ nằm trong Quốc gia Việt Nam.

**(Nguồn: Wikipedia)**